TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 153/2018/HS-ST
Ngày 28-12-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân Tiến**
Thẩm phán: Ông **Bùi Văn Tuấn**
Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Dương Thị Kim,** Ông **Vũ Xuân Kiều,** b**à Trần Thị Kim Thủy**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Công Huy** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông **Lê Khắc Sơn** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 130/2018/TLST-HS ngày 16 tháng 11 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 155/2018/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 12 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên **Lê Hữu Đ** - sinh ngày 04/02/1978, tại thành phố C, tỉnh Quảng Ninh; Nơi cư trú: Tổ A, khu B, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Hữu C và bà Phạm Thị H; có vợ và 01 con sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không; đầu thú và bị tạm giữ từ ngày 18/7/2018, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh Quảng Ninh, có mặt;

- *Người bào chữa cho bị cáo*: Bà Nguyễn Trà My - Luật sư của Công ty luật TNHH một thành viên Bảo An, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Ninh, có mặt;

- *Bị hại*: Ông Lê Xuân H – Sinh năm 1980; Nơi ĐKNKTT: Số A, tổ E, phường D, quận C, Thành Phố H. Chỗ ở hiện tại: Số V, Khu M, phường Đ, quận N, thành phố H. có mặt;

- *Người tham gia tố tụng khác*: Ông Nguyễn Anh V, chị Hà Thị Phương D, chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Nguyễn Đức T là người làm chứng, vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do có ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản từ trước, ngày 11/6/2018, Lê Hữu Đ gọi điện thoại cho chị Hà Thị Phương D là nhân viên Công

ty trách nhiệm hữu hạn S, giới thiệu mình tên là H, đang làm việc tại Trung tâm điều hành sản xuất của Tập đoàn T và có nhu cầu mua xe ô tô loại 47 chỗ cho dự án của Tập đoàn T. Do công ty không có loại xe ô tô loại 47 chỗ, nên chị D giới thiệu và cung cấp số điện thoại của Đ cho Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ Đ, do anh Lê Xuân H làm giám đốc. Cùng ngày, anh Lê Xuân H gọi điện thoại cho Đ để trao đổi việc mua bán xe và hẹn gặp nhau tại thành phố U, để bàn bạc cụ thể. Ngày 13/6/2018, Đ thuê xe tắcxi biển số 14A-232.XX do anh Nguyễn Anh V điều khiển đến thành phố U gặp anh H. Đ giới thiệu mình tên là H, đang làm việc tại Ban đầu tư thuộc Trung tâm điều hành sản xuất của Tập đoàn T tại Quảng Ninh, Trung tâm đang cần mua 54 xe ô tô loại 47 chỗ để chuyên chở công nhân. Đ nói có thể giúp anh H nhận được dự án bán xe ô tô cho Tập đoàn T và bảo anh H phải thu xếp đưa cho Đ một khoản tiền để bồi dưỡng cho lãnh đạo và các phòng ban của Trung tâm, anh H đồng ý; sau đó, theo yêu cầu của Đ, anh H đã nhiều lần phải gặp Đ tại khách sạn M, để đưa tiền cho Đ và chuyển tiền qua ngân hàng, cụ thể: Từ ngày 14/6/2018 đến ngày 29/6/2010 anh H đã 7 lần chuyển tiền cho Đ, trong đó có 1 lần vào ngày 14/6/2018, anh H nhờ anh Nguyễn Đức T là nhân viên kinh doanh của Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ Đ, chuyển khoản 14.800.000 đồng vào tài khoản mang tên Nguyễn Anh V theo yêu cầu của Đ. Sáu lần còn lại anh H trực tiếp gặp Đ 5 lần tại khách sạn M và 1 lần tại trước cửa quán K, đưa cho Đ tổng số tiền là 474.800.000đ tiền mặt và 01 lượng vàng SJC.

Sau khi nhận tiền của anh H vào tối ngày 29/6/2018, Đ thuê xe ô tô do anh Nguyễn Anh V điều khiển, đưa anh H đến trước cửa một ngôi nhà ở phố T, thành phố H và nói dối là nhà ông C - giám đốc Trung tâm điều hành sản xuất của Tập đoàn T. Đ bảo anh H đứng ngoài chờ để Đ vào gặp ông C trước, sau đó Đ tắt điện thoại di động và bỏ trốn về nhà.

Ngày 18/7/2018, Lê Hữu Đ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Quảng Ninh đầu thú. Quá trình điều tra, Lê Hữu Đ khai nhận hành vi phạm tội như trên.

Kết luận định giá tài sản ngày 06/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Quảng Ninh, kết luận: 01 lượng vàng SJC tại thời điểm ngày 28/6/2018 trị giá 36.830.000 đồng;

Tại bản cáo trạng số: 128/CT-VKSQN-P3 ngày 15 tháng 11 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã truy tố Lê Hữu Đ về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự;

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Lê Hữu Đ từ 12 (mười hai) năm đến 13 (mười ba) năm tù;

Người bào chữa cho bị cáo có quan điểm: Đồng ý với luận tội của Kiểm sát viên, đề nghị HĐXX căn cứ vào tình tiết giảm nhẹ để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo;

Bị cáo không tranh luận thêm, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt;

Người bị hại: Yêu cầu bị cáo trả lại số tiền chiếm đoạt tổng cộng là 511.630.000, đồng và đề nghị HĐXX xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra – Công an tỉnh Quảng Ninh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa, bị cáo Lê Hữu Đ khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã khai tại cơ quan điều tra và khẳng định, những lời khai nhận tại cơ quan điều tra là tự nguyện, đúng sự thật; xét thấy lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, lời khai của người làm chứng; kết hợp với các tài liệu có trong hồ sơ đã được làm rõ tại phiên tòa, đã đủ cơ sở để kết luận: Nhằm chiếm đoạt tài sản của anh Lê Xuân H, bị cáo Lê Hữu Đ tự giới thiệu mình tên là H đang làm việc tại Trung tâm điều hành sản xuất của Tập đoàn T tại tỉnh Q, có thể giúp anh H nhận được dự án bán xe ô tô cho Tập đoàn T với điều kiện, anh H phải đưa cho Đ một khoản tiền để bồi dưỡng cho lãnh đạo và các phòng ban của Trung tâm, anh H tưởng thật nên đã đồng ý; theo yêu cầu của Đ, từ ngày 14/6/2018 đến ngày 29/6/2018 tại thành phố U và thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, anh H đã 7 lần chuyển tiền cho Đ, tổng số tiền là 474.800.000đ tiền mặt và 01 lượng vàng SJC trị giá 36.830.000 đồng. Sau khi chiếm đoạt được tiền và vàng với tổng trị giá 511.630.000 đồng của anh H, bị cáo Đ đưa anh H đến trước cửa một ngôi nhà ở phố T, thành phố H, nói dối là nhà ông C - giám đốc Trung tâm điều hành sản xuất của Tập đoàn T, rồi bảo anh H đứng bên ngoài chờ để Đ vào gặp ông C trước, sau đó Đ tắt điện thoại và bỏ trốn.

Hành vi nêu trên của bị cáo Lê Hữu Đ đã phạm vào tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" thuộc trường hợp chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên, quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật hình sự, có khung hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân; như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã nêu và viện dẫn là có căn cứ pháp luật.

Bị cáo Lê Hữu Đ nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng muốn có tiền để ăn tiêu, bị cáo đã thực hiện hành vi gian dối làm cho anh Lê Xuân H tưởng thật nên đã giao tiền bồi dưỡng cho bị cáo; hành vi phạm tội của bị cáo không chỉ xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn thể hiện sự coi thường pháp luật, làm mất trật tự an toàn xã hội, vì vậy phải xử lý nghiêm, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian dài để cải tạo mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung; Tuy nhiên trong khi nghị án HĐXX nhận thấy, bị cáo không có tiền án tiền sự, sau khi phạm tội đã ra đầu thú, quá trình điều tra và tại phiên tòa đã khai báo thành khẩn và tỏ ra ăn năn hối cải, nên xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần trách nhiệm hình sự;

[3] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, người bị hại yêu cầu bị cáo Lê Hữu Đ phải trả toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt, bị cáo chấp nhận yêu cầu của người bị hại; xét thấy yêu cầu của người bị hại là có căn cứ nên buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường toàn bộ tài sản đã chếm đoạt cho người bị hại;

[4] Vật chứng của vụ án được giải quyết như sau: 01 điện thoại di động hiệu "Vertu" mã S003308, 01chiếc đồng hồ hiệu "Butterfly", 01 đồng hồ hiệu "Rado jubié" và 02 chiếc ví da mầu nâu (Nam) của bị cáo, không liên quan đến tội phạm nên không tịch thu nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 260 của Bộ luật tố tụng hình sự

Tuyên bố bị cáo Lê Hữu Đ phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"

Áp dụng: điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự

Xử phạt bị cáo Lê Hữu Đ 12 (mười hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 18/7/2018

Áp dụng: Khoản 1 Điều 48 của BLHS; khoản 1 Diều 584; khoản 1 Điều 585; khoản 1 Điều 586; khoản 1, Điều 589 của BLDS;

Buộc bị cáo phải trả 511.630.000, đ (Năm trăm mười một triệu sau trăm ba mươi nghìn đồng) cho anh Lê Xuân H;

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu mà bị cáo chưa thi hành xong thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.

Áp dụng Điểm a khoản 1 Điều 47 của BLHS; điểm c khoản 2 Điều 106 của BLTTHS;

Tạm giữ: 01 điện thoại di động hiệu "Vertu" mã S003308, 01chiếc đồng hồ hiệu "Butterfly", 01 đồng hồ hiệu "Rado jubié" và 02 chiếc ví da mâu nâu (Nam) của bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Toàn bộ vật chứng nêu trên được thể hiện tại Biên bản giao nhận vật chứng số 32 ngày 21/12/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh;

Áp dụng: Khoản 2 Điều 136 của BLTTHS; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội.

Buộc bị cáo phải nộp: 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 24.465.200,đ (Hai mươi bốn triệu, bốn trăm sáu mươi lăm nghìn, hai trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm;

Án xử sơ thẩm công khai báo để bị cáo và người bị hại biết, có quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án;

Nơi nhận:
- Bị cáo
- Người tham gia tt khác;
- VKSND tỉnh QN;
- Công an tỉnh QN;
- THA, Lưu VP, Toà hình sự, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Tiến